TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 137/2023/HNGĐ - ST
Ngày 03 - 7 - 2023
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sol

Ông Nguyễn Văn Mầm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Đ - Sinh năm 1982 (Có mặt)

Cư trú: ấp B, xã L, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: ấp T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Lê Minh C - Sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Cư trú: ấp B, xã L, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14.02.2023 và các lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thị Đ (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C sống chung như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cự cãi. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Minh C có ba con chung tên Lê Nhân K, sinh ngày 25/12/2007; Lê Thị Diễm M, sinh ngày 23/8/2011 và Lê Tuấn K, sinh ngày 07/12/2013. 2015. Hiện nay đang sống chung với anh C. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao ba con cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Đ xác định trong thời gian chung sống không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Đ xác định trong thời gian chung sống chị và anh C không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lê Minh C, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của chị Đ nhưng anh C không có ý kiến. Tòa án thông báo để anh C tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh C vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa anh, chị được.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Minh C tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh C vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Minh C kết hôn vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của chị Đ và anh C không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì không công nhận chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Minh C là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Minh C có ba con chung tên Lê Nhân K, sinh ngày 25/12/2007; Lê Thị Diễm M, sinh ngày 23/8/2011 và Lê Tuấn K, sinh ngày 07/12/2013. Hiện nay đang sống chung với anh C. Sau khi ly hôn chị Đ đồng ý giao ba con cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi chị Đ và anh C ly thân thì ba con chung tên Lê Nhân K, sinh ngày 25/12/2007; Lê Thị Diễm M, sinh ngày 23/8/2011 và Lê Tuấn K, sinh ngày 07/12/2013 sống chung với anh C sức khỏe cũng đã ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao ba con chung tên Lê Nhân K, sinh ngày 25/12/2007; Lê Thị Diễm M, sinh ngày 23/8/2011 và Lê Tuấn K, sinh ngày 07/12/2013 cho anh Lê Minh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con do anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Đ xác định trong thời gian chung sống chị và anh C không có tài sản chung, chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ xác định trong thời gian chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh C vắng mặt không có ý kiến về tài sản và nợ chung nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản

chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Đ và ông Lê Minh C là vợ chồng.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Đ có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009016 ngày 06 – 4 – 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, sau khi đối trừ chị Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Lê Minh C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Minh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Trần Tuấn Kiệt

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 03 tháng 7 năm 2023
Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Tấn Liêm
Ông Nguyễn Văn Mầm

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 210/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Đ - Sinh năm 1982 (Có mặt)

Cư trú: ấp B, xã L, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: ấp Thọ Mai, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Lê Minh C - Sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Cư trú: ấp B, xã L, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về Điều luật căn cứ:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- **Về nội dung:**

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Đ và ông Lê Minh C là vợ chồng.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- **Các vấn đề khác:**

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Đ có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009016 ngày 06 – 4 – 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, sau khi đối trừ chị Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Lê Minh C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Minh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 45 phút, ngày 03 tháng 7 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tấn Liêm **Nguyễn Văn Mầm** **Trần Tuấn Kiệt**